**70 CÂU HỎI VỀ LUẬT HỢP TÁC XÃ 2023**

**Uông Đàm Linh**

**Câu 1: Tôi thường hay được nghe cụm từ “Hợp tác xã”, tuy nhiên, tôi chưa thực sự hiểu rõ ý nghĩa của cụm từ này. Xin hỏi, theo quy định của pháp luật, thế nào là “Hợp tác xã” và có tư cách pháp nhân không?**

**Trả lời:**

Theo khoản 7 Điều 4 Luật Hợp tác xã giải nghĩa, Hợp tác xã là  tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 05 thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm đáp ứng nhu cầu chung về kinh tế, văn hóa, xã hội của thành viên, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

**Câu 2: Vậy xin hỏi Liên hiệp hợp tác xã là thế nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 8 Điều 4 Luật Hợp tác xã quy định, Liên hiệp hợp tác xã là tổ chức có tư cách pháp nhân do ít nhất 03 hợp tác xã là thành viên chính thức tự nguyện thành lập, hợp tác tương trợ trong sản xuất, kinh doanh, tạo việc làm nhằm mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng lực tham gia thị trường, góp phần xây dựng cộng đồng xã hội phát triển bền vững; thực hiện quản trị tự chủ, tự chịu trách nhiệm, bình đẳng và dân chủ.

**Câu 4: Cơ cấu tổ chức của Hợp tác xã được quy định trong pháp luật gồm những thành phần nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 17, khoản 18, Điều 4 Luật Hợp tác xã quy định, thành viên của hợp tác xã bao gồm thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn.

Cụ thể: Thành viên chính thức gồm: Thành viên góp vốn và sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thành viên góp vốn và góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Thành viên góp vốn, sử dụng sản phẩm, dịch vụ và góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Thành viên liên kết góp vốn là thành viên chỉ góp vốn, không sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và không góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 5: Theo quy định của pháp luật, thành viên liên kết không góp vốn được giải thích như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 19 Luật Hợp tác xã đã giải thích về thuật ngữ “thành viên liên kết không góp vốn”. Theo đó, thành viên liên kết không góp vốn bao gồm:

a) Thành viên không góp vốn, chỉ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Thành viên không góp vốn, chỉ góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Thành viên không góp vốn, chỉ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và góp sức lao động vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 6: Xin hỏi, thế nào là vốn điều lệ trong Luật hợp tác xã và luật có quy định về mức đóng vốn điều lệ tối đa và tối thiểu không?**

**Trả lời:**

Theo khoản 24,25,26 Điều 4 có quy định như sau: Vốn điều lệ được định nghĩa là tổng giá trị tài sản do thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn đã góp hoặc cam kết góp khi thành lập hoặc trong quá trình hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Vốn góp tối thiểu là mức vốn góp thấp nhất mà cá nhân, tổ chức phải góp vào vốn điều lệ để trở thành thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Vốn góp tối đa là mức vốn góp cao nhất mà cá nhân, tổ chức được góp vào vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 7: Xin hỏi, theo Luật Hợp tác xã 2023 có quy định những hành vi nào bị cấm, không được thực hiện hay không?**

**Trả lời:**

Tại Điều 7 Luật Hợp tác xã quy định rất rõ ràng về những hành vi bị nghiêm cấm như sau:

1. Đối với cơ quan quản lý nhà nước:

a) Cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp không đủ điều kiện; từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đủ điều kiện theo quy định của Luật này;

b) Cản trở việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ hợp pháp của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, thành viên theo quy định của Luật này;

c) Hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không đúng nguyên tắc, đối tượng, thẩm quyền, nội dung, trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật;

d) Lợi dụng quyền hạn để làm trái với các quy định của pháp luật về hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

đ) Gây chậm trễ, phiền hà, cản trở, sách nhiễu tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức, cá nhân có liên quan trong đăng ký, hoạt động và thực hiện hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

e) Cố ý báo cáo, cung cấp thông tin sai lệch, không trung thực liên quan đến hỗ trợ, ưu đãi cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

a) Hoạt động không có giấy chứng nhận đăng ký theo quy định của Luật này; hoạt động khi không đủ điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan;

b) Kê khai không trung thực, không chính xác nội dung hồ sơ đăng ký tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Thực hiện không đúng các nguyên tắc tổ chức, quản lý và hoạt động theo quy định của Luật này;

d) Cung cấp thông tin giả mạo, không trung thực, làm giả giấy tờ để trục lợi;

đ) Sử dụng nguồn lực hỗ trợ không đúng mục đích đã cam kết.

3. Đối với thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

a) Lợi dụng chức vụ, quyền hạn vì lợi ích cá nhân hoặc của một nhóm thành viên;

b) Cung cấp thông tin không trung thực cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 8: Luật Hợp tác xã 2023 quy định thế nào về người đại diện Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1, Điều 11 quy định: Người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là cá nhân đại diện cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện các quyền, nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đại diện cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

**Câu 9: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tối đa bao nhiêu người đại diện pháp luật?**

**Trả lời:**

Theo khoản 2, khoản 3 Điều 11 Luật Hợp tác xã 2023 quy định:

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể có một hoặc nhiều người đại diện theo pháp luật, số lượng, chức danh, quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật; phân chia quyền, nghĩa vụ người đại diện theo pháp luật trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định của Điều lệ.

- Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải bảo đảm luôn có ít nhất một người đại diện theo pháp luật cư trú tại Việt Nam. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ còn một người đại diện theo pháp luật mà người này trong vòng 30 ngày không thực hiện hoặc không thực hiện được quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật và không ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thì chậm nhất 15 ngày kể từ ngày hết thời hạn nêu trên, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải tổ chức Đại hội thành viên bầu người đại diện theo pháp luật.

**Câu 10: Các thành viên trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền lợi gì trong việc trao đổi thông tin?**

**Trả lời:**

Điều 14 Luật Hợp tác xã 2023 quy định rõ về việc công bố thông tin cho các thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như sau:

1. Thông tin công bố cho thành viên bao gồm:

a) Điều lệ và quy chế nội bộ;

b) Nghị quyết của Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, quyết định của Giám đốc (Tổng giám đốc);

c) Danh sách và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

d) Báo cáo tài chính hằng năm;

đ) Thông tin quản lý, sử dụng quỹ chung không chia và tài sản chung không chia;

e) Thông tin về giáo dục, đào tạo, phổ biến, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động;

g) Thông tin khác phải công khai theo quy định của Điều lệ.

2. Thông tin quy định tại khoản 1 Điều này phải được niêm yết công khai tại trụ sở của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành văn bản và được cung cấp cho thành viên khi có yêu cầu. Thời gian niêm yết thông tin ít nhất 30 ngày liên tục kể từ ngày niêm yết.

**Câu 11: Xin hỏi luật pháp hiện nay về hợp tác xã có điều khoản nào quy định về các nguyên tắc để thực hiện chính sách không?**

**Trả lời:**

Luật Hợp tác xã 2023 có quy định về nguyên tắc thực hiện chính sách như sau:

Tại Điều 17 luật này, thực hiện chính sách phải:

1.Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

2. Triển khai đồng bộ với Chương trình tổng thể về phát triển kinh tế tập thể, phù hợp với khả năng cân đối nguồn lực của Nhà nước ở từng thời kỳ.

3. Trường hợp tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đồng thời đáp ứng điều kiện của các mức khác nhau trong cùng một nội dung chính sách, cùng thời điểm theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan thì tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được lựa chọn mức hỗ trợ có lợi nhất.

**Câu 12: Để được xem xét thụ hưởng chính sách, hợp tác xã, liên hợp hợp tác xã cần phải đáp ứng được những yêu cầu nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1, Điều 18 Luật Hợp tác xã đã đưa ra nhưng yêu cầu sau đây để hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để được xem xét thụ hưởng chính sách như: Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này; không trong thời gian chấp hành bản án hình sự của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật; Phát triển thành viên hoặc tăng tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ hoặc phát triển quỹ chung không chia, tài sản chung không chia hoặc thực hiện giáo dục, đào tạo, tập huấn, phổ biến, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động hoặc mới thành lập tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật; Có báo cáo kiểm toán trong trường hợp nội dung chính sách có yêu cầu.

**Câu 13: Vậy theo pháp luật hiện hành, tổ hợp tác phải đạt những tiêu chí nào để được xem xét thụ hưởng chính sách?**

**Trả lời:**

Theo khoản 2, Điều 17 Luật Hợp tác xã quy định, Tổ hợp tác được xem xét thụ hưởng chính sách khi đáp ứng các tiêu chí sau đây:

a) Có Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác;

b) Không trong thời gian thi hành quyết định xử lý vi phạm hành chính do vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật này;

c) Phát triển thành viên hoặc thực hiện giáo dục, đào tạo, tập huấn, phổ biến, bồi dưỡng cho thành viên, người lao động hoặc mới thành lập tại địa bàn kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật.

**Câu 14: Nguồn vốn để thực hiện chính sách của nhà nước về phát triển tổ hợp tác xã, hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã được xác định thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 19, Luật Hợp tác xã 2023 quy định về nguồn vốn thực hiện chính sách như sau:

1. Nguồn vốn từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

2. Nguồn vốn từ miễn, giảm thuế, phí, lệ phí, tiền thuê đất, tiền sử dụng đất và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

3. Nguồn vốn tín dụng ưu đãi theo quy định của pháp luật.

4. Nguồn huy động, tài trợ hợp pháp từ cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài.

**Câu 15: Theo pháp luật hiện hành, chính sách đất đai dành cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quy định thế nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1. Khoản 2, khoản 3 Điều 21 Luật Hợp tác xã đã chỉ ra chính sách đất đai cụ thể như sau:

1. Trong quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, chính quyền địa phương ưu tiên bố trí quỹ đất cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê; ưu đãi hợp lý về giá và thời gian cho thuê đất đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chưa được hỗ trợ thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

2. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuê đất, đất có mặt nước của Nhà nước để sản xuất, kinh doanh thì được miễn, giảm tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước; trường hợp thuê, thuê lại đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để sản xuất, kinh doanh thì được Nhà nước hỗ trợ tiền thuê đất, thuê đất có mặt nước theo quy định của pháp luật về đất đai.

3. Nhà nước tạo điều kiện để tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng đất ổn định trong hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật về đất đai.

**Câu 16: Chính sách thuế, phí và lệ phí đối với hợp tác xã, tổ hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quy định thế nào?**

**Trả lời:**

Về vấn đề này, Luật Hợp tác xã 2023 đã quy định rõ tại khoản 1, khoản 2 Điều 22 như sau:

1. Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng mức ưu đãi thuế, ưu đãi phí và lệ phí cao nhất trong cùng lĩnh vực, ngành, nghề và địa bàn theo pháp luật về thuế, phí và lệ phí.

2. Không thu lệ phí đăng ký đối với tổ hợp tác, không thu phí công bố nội dung đăng ký trên hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

**Câu 17: Trong trường hợp nào doanh nghiệp sẽ được miễn giảm thuế thu nhập?**

**Trả lời:**

Theo khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, Điều 22 Luật Hợp tác xã 2023 quy định rõ về vấn đề này như sau:

3. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp đối với:

a) Thu nhập từ giao dịch nội bộ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Thu nhập của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi tham gia liên kết với cá nhân, tổ chức khác hình thành chuỗi giá trị, cụm liên kết ngành, gắn với kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức vì mục tiêu phát triển bền vững;

c) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với phần thu nhập hình thành quỹ chung không chia, phần thu nhập hình thành tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

5. Miễn, giảm lệ phí môn bài đối với tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

6. Miễn lệ phí trước bạ đối với cá nhân, tổ chức khi chuyển quyền sử dụng đất, chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn vào hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

**Câu 18: Cần điều kiện gì để Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thụ hưởng chính sách tiếp cận vốn theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:** Theo khoản 1 Điều 23 Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định về chính sách tiếp cận vay vốn dành cho Tổ hợp tác, hợp tác xã… như sau:

a) Vay vốn ưu đãi từ các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật;

b) Hỗ trợ vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư, bảo lãnh tín dụng đầu tư từ Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của Chính phủ;

c) Ưu tiên tiếp cận nguồn vốn từ các quỹ phát triển khoa học và công nghệ, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và các định chế tài chính theo quy định của pháp luật vì mục tiêu phát triển bền vững;

d) Hỗ trợ tăng cường năng lực tài chính cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng;

đ) Ưu tiên, hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến đầu tư của các bộ, ngành, địa phương.

**Câu 19: Chính sách ứng dụng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số đối với Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được pháp luật hiện hành quy định thế nào?**

**Trả lời:**

Điều 24 Luật Hợp tác xã quy đinh như sau:

1. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng mô hình kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, giảm phát thải khí nhà kính; đổi mới công nghệ, tiếp nhận, cải tiến, hoàn thiện, làm chủ công nghệ thông qua các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, tư vấn, tìm kiếm, giải mã, chuyển giao công nghệ; xác lập, quản lý, khai thác, bảo vệ và phát triển tài sản trí tuệ.

2. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chuyển đổi số và ứng dụng thương mại điện tử trong sản xuất và lưu thông sản phẩm thông qua xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin, cung cấp thiết bị đầu cuối và phần mềm, ứng dụng dùng chung.

3. Hỗ trợ xây dựng trang thông tin điện tử cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về hợp tác xã.

4. Hỗ trợ kinh phí cho việc cung cấp dịch vụ tư vấn chuyển giao công nghệ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên cơ sở nhu cầu và theo hợp đồng được ký kết với cơ sở cung cấp dịch vụ tư vấn.

**Câu 20: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có được cung cấp chính sách tiếp cận và nghiên cứu thị trường không?**

**Trả lời:** Theo Điều 25 Luật này, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cung cấp những thông tin sau:

1. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cung cấp thông tin về pháp lý, kinh tế; khảo sát và nghiên cứu thị trường; thông tin dự báo, cảnh báo các biện pháp phòng vệ thương mại áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam.

2. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã liên kết hình thành vùng nguyên liệu, sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, áp dụng và chứng nhận các tiêu chuẩn để phát triển thị trường.

3. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã xây dựng, đăng ký nhãn hiệu, xuất xứ hàng hóa; đăng ký, tiếp thị sản phẩm.

4. Hỗ trợ hình thành sản phẩm, hàng hóa và dịch vụ có nguồn gốc địa phương, có đặc trưng về giá trị kinh tế, văn hóa, lợi thế của địa phương.

5. Hỗ trợ tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức, tham gia hội chợ, triển lãm trong nước và nước ngoài; xây dựng, triển khai, tham gia sàn giao dịch thương mại điện tử.

6. Ưu tiên, hỗ trợ tham gia hoạt động xúc tiến thương mại của các bộ, ngành, địa phương.

**Câu 21: Chính sách đầu tư phát triển kinh tế hạ tầng, trang thiết bị đối với Hợp tác xã như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 26 luật này quy định:  Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, trang thiết bị cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhằm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; Chuyển giao một số công trình kết cấu hạ tầng của Nhà nước phục vụ lợi ích chung của cộng đồng cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn để quản lý, vận hành, duy tu, bảo dưỡng theo quy định của pháp luật; Chuyển giao một số công trình công cộng và cơ sở hạ tầng khác cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã để làm trụ sở, nhà kho, cửa hàng mua bán, trưng bày, giới thiệu sản phẩm phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh theo quy định của pháp luật; Hỗ trợ kinh phí đầu tư, xây dựng kết cấu hạ tầng hình thành chuỗi sản xuất, cung cấp dịch vụ chế biến và tiêu thụ sản phẩm của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 22: Hợp tác xã liệu có được hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 27 Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định như sau:

1. Hỗ trợ chi phí kiểm toán cho hợp tác xã quy mô siêu nhỏ và nhỏ khi được hưởng chính sách hỗ trợ của Nhà nước theo quy định.

2. Hỗ trợ tổ chức đại diện, hệ thống Liên minh hợp tác xã Việt Nam trong việc thực hiện đánh giá rủi ro, tư vấn tài chính; tư vấn kiểm soát nội bộ, tư vấn kiểm toán nội bộ cho tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 23: Hiện nay có chính sách nào để hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 28 Luật Hợp tác xã 2023 có đưa ra chính sách hỗ trợ hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp như sau:

1. Ngoài các chính sách quy định tại các điều 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26 và 27 của Luật này, tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp được thụ hưởng các chính sách sau đây:

a) Hỗ trợ phí bảo hiểm nông nghiệp theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm;

b) Hỗ trợ vốn, giống, khoa học và công nghệ khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chuyển đổi sang sản xuất bền vững, nông nghiệp hữu cơ, thích ứng với biến đổi khí hậu;

c) Hỗ trợ chi phí xây dựng kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu khi tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất hoặc thuê đất, đất có mặt nước của tổ chức, hộ gia đình, cá nhân để hình thành vùng nguyên liệu sản xuất nông nghiệp tập trung.

**Câu 24: Xin hỏi Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã là gì?**

**Trả lời:** Về vấn đề này, Luật Hợp tác xã 2023 đã quy định rõ tại Điều 29 như sau:

1. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách hoặc tổ chức tài chính, hoạt động không vì mục tiêu lợi nhuận, bảo toàn và phát triển vốn, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trong huy động vốn và sử dụng vốn nhằm thực hiện các chức năng sau đây:

a) Cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, hỗ trợ lãi suất sau đầu tư và bảo lãnh tín dụng đầu tư đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và đối với thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, trừ thành viên là doanh nghiệp;

b) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn trong nước và ngoài nước, nguồn tài trợ, viện trợ, đóng góp, ủy thác của cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật;

c) Huy động vốn từ cá nhân, tổ chức trong nước theo quy định của pháp luật;

d) Ủy thác, nhận ủy thác cho vay; tư vấn tài chính và đầu tư, đào tạo cho khách hàng vay vốn của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã theo quy định của pháp luật.

2. Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã Việt Nam được thành lập ở Trung ương, Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã cấp tỉnh được thành lập ở tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Chính phủ quy định việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã.

**Câu 25:Theo quy định của pháp luật, hợp tác xã có những loại thành viên nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 30 Luật Hợp tác xã 2023 quy định về điều kiện trở thành thành viên chính thức hoặc thành viên liên kết góp vốn như sau:

1. Thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã bao gồm:

a) Cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài có giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư;

c) Hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thành lập, hoạt động tại Việt Nam. Các thành viên của tổ chức này phải cử một người đại diện theo quy định của Bộ luật Dân sự để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã;

d) Pháp nhân Việt Nam.

2. Thành viên liên kết không góp vốn của hợp tác xã bao gồm:

a) Cá nhân là công dân Việt Nam hoặc người nước ngoài cư trú hợp pháp tại Việt Nam, từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

b) Cá nhân là công dân Việt Nam từ đủ 15 tuổi trở lên đến dưới 18 tuổi, không bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, không bị mất năng lực hành vi dân sự, không có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; khi tham gia các giao dịch dân sự, lao động thì phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của pháp luật;

c) Hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân thành lập, hoạt động tại Việt Nam. Các thành viên của tổ chức này phải cử một người đại diện theo quy định của Bộ luật Dân sự để thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên hợp tác xã;

d) Pháp nhân Việt Nam.

3. Cá nhân, tổ chức phải có đơn tự nguyện gia nhập, góp vốn hoặc nộp phí thành viên và đáp ứng điều kiện quy định của Luật này và Điều lệ.

4. Thành viên của hợp tác xã có thể đồng thời là thành viên của nhiều hợp tác xã, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

**Câu 26: Nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài có được trở thành thành viên Hợp tác xã không?**

**Trả lời:** Theo khoản 5 Điều 30 Luật Hợp tác xã 2023, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi tham gia là thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan;

b) Điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về đầu tư.

**Câu 27: Các thành viên chính thức có quyền hạn gì trong Hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Theo Điều 31 Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định về vấn đề này như sau: 1. Thành viên chính thức có quyền sau đây:

a) Được hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ, việc làm;

b) Được phân phối thu nhập theo quy định của Luật này và Điều lệ;

c) Được hưởng phúc lợi của hợp tác xã;

d) Được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên;

đ) Được biểu quyết nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên;

e) Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu;

g) Kiến nghị, yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên giải trình về hoạt động của hợp tác xã;

h) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường;

i) Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của hợp tác xã; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ phục vụ hoạt động của hợp tác xã;

k) Ra khỏi hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ;

l) Được trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp theo quy định của Luật này và Điều lệ;

m) Được nhận phần giá trị tài sản còn lại của hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ;

n) Khiếu nại, tố cáo, khởi kiện theo quy định của pháp luật;

o) Quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Thành viên liên kết góp vốn có quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại các điểm b, c, g, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này;

b) Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

3. Thành viên liên kết không góp vốn có quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại các điểm a, c, i, k, n và o khoản 1 Điều này;

b) Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

**Câu 28: Theo Luật Hợp tác xã, các thành viên trong hợp tác xã có nghĩa vụ gì?**

Trả lời: Theo Điều 32 Luật này quy định rõ ràng về nghĩa vụ của thành viên chính thức, liên kết góp vốn và liên kết không góp vốn như sau:

1. Thành viên chính thức có nghĩa vụ sau đây:

a) Góp đủ, đúng thời hạn phần vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ;

b) Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã đã đăng ký hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với hợp tác xã;

c) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của hợp tác xã trong phạm vi phần vốn góp vào hợp tác xã;

d) Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho hợp tác xã theo quy định của pháp luật và Điều lệ;

đ) Tuân thủ tôn chỉ, mục đích, Điều lệ, quy chế của hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn;

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Thành viên liên kết góp vốn có nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Thành viên liên kết không góp vốn có nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ. Phí thành viên không phải là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Phí và lệ phí.

b) Nghĩa vụ quy định tại các điểm b, d, đ và e khoản 1 Điều này.

**Câu 29: Trường hợp nào thì thành viên chính thức của hợp tác xã bị chấm dứt tư cách thành viên?**

**Trả lời:** Thành viên hợp tác xã bị chấm dứt tư cách thành viên nếu nằm trong những trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 33 Luật Hợp tác xã. Theo đó, Điều 33 quy định như sau:

a) Thành viên là cá nhân đã chết; bị Tòa án tuyên bố là đã chết, mất tích, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

b) Thành viên là tổ chức chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

c) Hợp tác xã chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

d) Thành viên tự nguyện ra khỏi hợp tác xã;

đ) Thành viên bị khai trừ theo quy định của Điều lệ;

e) Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc không góp sức lao động trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ;

g) Tại thời điểm cam kết góp đủ vốn, thành viên không thực hiện góp vốn hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong Điều lệ.

**Câu 30: Vậy đối với thành viên liên kết không góp vốn hoặc liên kết góp vốn bị chấm dứt tư cách thành viên trong trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Đối với việc chấm dứt tư cách thành viên đối với thành viên liên kết không góp vốn, liên kết góp vốn được quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 33 Luật hợp tác xã năm 2023. Cụ thể:

2. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết góp vốn theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và g khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết không góp vốn:

a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 1 Điều này;

b) Không nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ.

4. Thẩm quyền quyết định chấm dứt tư cách thành viên, giải quyết quyền, nghĩa vụ đối với thành viên trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên thực hiện theo quy định của Luật này và Điều lệ.

**Câu 31: Điều kiện để trở thành thành viên liên hiệp hợp tác xã như thế nào?**

**Trả lời:** Theo khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 34 quy định như sau:

1.Thành viên liên hiệp hợp tác xã bao gồm:

a) Thành viên chính thức là hợp tác xã;

b) Thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không góp vốn là pháp nhân Việt Nam.

2. Hợp tác xã, pháp nhân Việt Nam phải có đơn tự nguyện gia nhập, góp vốn và đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật này và Điều lệ.

3. Thành viên của liên hiệp hợp tác xã có thể đồng thời là thành viên của nhiều liên hiệp hợp tác xã, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

**Câu 32: Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài muốn trở thành thành viên liên hiệp hợp tác xã cần điều kiện thế nào?**

**Trả lời:**

Tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài khi tham gia là thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn của liên hiệp hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau tại khoản 4 Điều 34 Luật Hợp tác xã:

a) Điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan;

b) Điều kiện bảo đảm quốc phòng, an ninh theo quy định của pháp luật về đầu tư.

**Câu 33: Xin hỏi thành viên liên hiệp hợp tác xã có quyền lợi gì?**

**Trả lời:**

Quyền lợi của thành viên liên hiệp Hợp tác xã có những quyền lợi đã được quy định rõ tại Điều 35 Luật Hợp tác xã 2023 như sau:

1. Thành viên chính thức có quyền sau đây:

a) Được liên hiệp hợp tác xã cung ứng sản phẩm, dịch vụ, việc làm; Được phân phối thu nhập theo quy định của Luật này và Điều lệ của liên hiệp hợp tác xã; Được hưởng phúc lợi của liên hiệp hợp tác xã; Được tham dự hoặc bầu đại biểu tham dự Đại hội thành viên; Được biểu quyết nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội thành viên; Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên và các chức danh quản lý khác được bầu;Kiến nghị, yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên giải trình về hoạt động của liên hiệp hợp tác xã; Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên triệu tập Đại hội thành viên bất thường; Được cung cấp thông tin cần thiết liên quan đến hoạt động của liên hiệp hợp tác xã; được hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nghiệp vụ phục vụ hoạt động của liên hiệp hợp tác xã…

2. Thành viên liên kết góp vốn có quyền sau đây:Các quyền quy định tại các điểm b, c, g, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này; Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

Thành viên liên kết không góp vốn có quyền sau đây:

a) Các quyền quy định tại các điểm a, c, i, k, n và o khoản 1 Điều này;

b) Tham gia và phát biểu nhưng không được biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên khi được mời.

**Câu 34: Vậy nghĩa vụ của các thành viên liên hiệp hợp tác xã thì sao?**

**Trả lời:**

Nghĩa vụ của thành viên liên hiệp Hợp tác xã có những quyền lợi đã được quy định rõ tại Điều 36 Luật Hợp tác xã 2023 như sau:

1. Thành viên chính thức có nghĩa vụ sau đây:Góp đủ, đúng thời hạn phần vốn góp đã cam kết theo quy định của Điều lệ; Sử dụng sản phẩm, dịch vụ của liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký hoặc góp sức lao động theo thỏa thuận với liên hiệp hợp tác xã; Chịu trách nhiệm về các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính của liên hiệp hợp tác xã trong phạm vi phần vốn góp; Bồi thường thiệt hại do mình gây ra cho liên hiệp hợp tác xã theo quy định của pháp luật; Tuân thủ tôn chỉ, mục đích, Điều lệ, quy chế của liên hiệp hợp tác xã, nghị quyết Đại hội thành viên và quyết định của Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn;Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

2. Thành viên liên kết góp vốn có nghĩa vụ quy định tại các điểm a, c, d, đ và e khoản 1 Điều này.

3. Thành viên liên kết không góp vốn có nghĩa vụ sau đây:

a) Nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ. Phí thành viên không phải là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Phí và lệ phí;

b) Nghĩa vụ quy định tại các điểm b, d, đ và e khoản 1 Điều này.

**Câu 35: Trường hợp nào thì chấm dứt tư cách thành viên liên hiệp hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo Điều 37 Luật Hợp tác xã 2023, tư cách thành viên liên hiệp hợp tác xã sẽ bị chất dứt nếu:

1. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên chính thức bao gồm: Thành viên chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản; Liên hiệp hợp tác xã chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản; Thành viên tự nguyện ra khỏi liên hiệp hợp tác xã; Thành viên bị khai trừ theo quy định của Điều lệ; Thành viên không sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc không góp sức lao động trong thời gian liên tục theo quy định của Điều lệ; Tại thời điểm cam kết góp đủ vốn, thành viên không thực hiện góp vốn hoặc góp vốn thấp hơn vốn góp tối thiểu quy định trong Điều lệ.

2. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết góp vốn theo quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản 1 Điều này.

3. Các trường hợp chấm dứt tư cách thành viên liên kết không góp vốn bao gồm:

a) Các trường hợp quy định tại các điểm a, b, c, d và đ khoản 1 Điều này;

b) Không nộp phí thành viên theo quy định của Điều lệ.

4. Thẩm quyền quyết định chấm dứt tư cách thành viên, giải quyết quyền, nghĩa vụ đối với thành viên trong trường hợp chấm dứt tư cách thành viên thực hiện theo quy định của Luật này và Điều lệ.

**Câu 36: Xin hỏi pháp luật giải thích thế nào về sáng lập viên hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo Điều 38 Luật Hợp tác xã 2023, sáng lập viên là cá nhân, tổ chức tự nguyện cam kết tham gia thành lập và là thành viên chính thức của hợp tác xã; Sáng lập viên liên hiệp hợp tác xã là hợp tác xã tự nguyện cam kết tham gia thành lập và là thành viên chính thức của liên hiệp hợp tác xã.

Sáng lập viên vận động, tuyên truyền thành lập; xây dựng phương án sản xuất, kinh doanh, dự thảo Điều lệ; chuẩn bị các điều kiện và triển khai các công việc để tổ chức hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Sáng lập viên có thể liên hệ với cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc tổ chức đại diện nơi thành lập hoặc cơ quan, tổ chức khác để được tư vấn, hỗ trợ việc thành lập.

Sáng lập viên là tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài phải đáp ứng điều kiện tiếp cận thị trường đối với nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan.

**Câu 37: Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do sáng lập viên tổ chức gồm những thành phần nào?**

**Trả lời:**

Căn cứ theo khoản 1 Điều 39 Luật Hợp tác xã 2023 quy định: Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do sáng lập viên tổ chức có thành phần bao gồm: Sáng lập viên là cá nhân; Người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của sáng lập viên là tổ chức; Cá nhân, người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo ủy quyền của tổ chức khác có nguyện vọng gia nhập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Đại diện của tổ chức đại diện có thể được mời tham gia hội nghị nhưng không có quyền biểu quyết.

**Câu 38: Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện theo trình tự thế nào?**

**Trả lời:**

Trình tự thành lập hợp tác xã, liên hợp tác xã được thực hiện theo khoản 2 Điều 39 Luật Hợp tác xã. Theo đó, Hội nghị thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thực hiện theo trình tự sau đây: Thảo luận về dự thảo Điều lệ; danh sách thành viên; phương án sản xuất, kinh doanh; tổ chức quản trị; Thông qua Điều lệ; Thông qua danh sách thành viên là cá nhân, tổ chức tán thành Điều lệ và đủ điều kiện theo quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

**Câu 39: Thành viên chính thức hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quyết định được những nội dung nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 3 Điều 39 Luật Hợp tác xã quy định, thành viên chính thức được quyết định Phương án sản xuất, kinh doanh; Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc bầu Giám đốc đối với tổ chức quản trị rút gọn. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc (Tổng giám đốc);Bầu thành viên Ban kiểm soát và Trưởng Ban kiểm soát đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc bầu kiểm soát viên đối với tổ chức quản trị rút gọn; Người được ủy quyền đăng ký thành lập và thực hiện các nội dung khác có liên quan đến việc thành lập và tổ chức, hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 40: Xin hỏi nội dung của Điều lệ Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 40 Luật Hợp tác xã đã quy định rõ các nội dung của Điều lệ Hợp tác xã như sau:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính; biểu tượng (nếu có);

2. Ngành, nghề kinh doanh;

3. Điều kiện, thủ tục kết nạp thành viên;

4. Các trường hợp chấm dứt và thủ tục chấm dứt tư cách thành viên, trong đó quy định cụ thể về điều kiện chấm dứt tư cách thành viên, bao gồm:

a) Trường hợp khai trừ thành viên;

b) Mức độ thường xuyên sử dụng sản phẩm, dịch vụ hoặc thời gian liên tục không góp sức lao động của thành viên chính thức;

c) Giá trị tối thiểu của sản phẩm, dịch vụ mà thành viên chính thức phải sử dụng;

5. Quyền, nghĩa vụ của thành viên;

6. Tổ chức quản trị; thẩm quyền của Đại hội thành viên; nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát đối với tổ chức quản trị đầy đủ hoặc nhiệm vụ, quyền hạn của Giám đốc, kiểm soát viên đối với tổ chức quản trị rút gọn;

7. Số lượng, chức danh và quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật; phân chia quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có nhiều hơn một người đại diện theo pháp luật;

8. Vốn điều lệ; tăng, giảm vốn điều lệ; vốn góp tối thiểu, vốn góp tối đa, hình thức, thời hạn góp vốn; định giá tài sản góp vốn; trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

9. Phí thành viên trong trường hợp có thành viên liên kết không góp vốn;

10. Hình thức tổ chức Đại hội thành viên; cách thức biểu quyết tại Đại hội thành viên; cách thức bầu đại biểu tham dự và biểu quyết tại Đại hội thành viên trong trường hợp Đại hội thành viên tổ chức theo hình thức đại hội đại biểu;

11. Tỷ lệ giá trị giao dịch nội bộ tối thiểu;

12. Đầu tư, góp vốn, mua cổ phần, thành lập doanh nghiệp, liên danh, liên kết với tổ chức kinh tế;

13. Lập quỹ; tỷ lệ trích lập quỹ; tỷ lệ, phương thức phân phối thu nhập;

14. Quản lý tài chính, sử dụng và xử lý tài sản, vốn, quỹ và khoản lỗ;

15. Nguyên tắc trả thù lao, tiền lương, tiền công, tiền thưởng và chế độ khác cho thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, người lao động;

16. Trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, cấp đổi, thu hồi Giấy chứng nhận phần vốn góp;

17. Trình tự, thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

18. Biện pháp xử lý thành viên nợ quá hạn;

19. Xử lý vi phạm Điều lệ và nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ.

**Câu 41: Để đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cần làm thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 41 Luật Hợp tác xã năm 2023 quy định:

Đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký chuyển đổi tổ hợp tác thành hợp tác xã; đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và nghĩa vụ đăng ký, thông báo khác theo quy định của Luật này.

2. Hồ sơ đăng ký được gửi đến cơ quan đăng ký kinh doanh theo một trong các phương thức sau đây:

a) Bằng bản giấy nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Bằng bản giấy qua dịch vụ bưu chính;

c) Qua hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Chính phủ quy định về cơ quan đăng ký kinh doanh, trình tự, thủ tục, liên thông trong đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành biểu mẫu thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

Câu 42: Vậy làm sao để đăng ký **thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Theo Điều 42 Luật Hợp tác xã quy định về vấn đề này như sau:

1. Trước khi hoạt động, người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện thủ tục đăng ký thành lập tại cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đăng ký thành lập bao gồm:

a) Giấy đề nghị đăng ký thành lập;

b) Điều lệ;

c) Nghị quyết hội nghị thành lập;

d) Danh sách thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn;

đ) Danh sách, số định danh cá nhân của người đại diện theo pháp luật là người Việt Nam; danh sách, bản sao giấy tờ pháp lý của người đại diện theo pháp luật là người nước ngoài;

e) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 30 của Luật này;

g) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tham gia thành lập bởi cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài hoặc tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư.

3. Người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải kê khai đầy đủ, trung thực và chính xác các nội dung quy định tại khoản 2 Điều này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung đã kê khai.

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ đăng ký và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho người được ủy quyền đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu 43: Nội dung giấy đề nghị thành lập** hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cần có những gì?

Trả lời:

Theo Điều 43 Luật Hợp tác xã quy định Giấy đề nghị đăng ký thành lập bao gồm nội dung chủ yếu sau đây:

1. Tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

2. Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

3. Ngành, nghề kinh doanh;

4. Vốn điều lệ;

5. Số lượng thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, trong đó nêu rõ thông tin thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn là cá nhân là nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài;

6. Họ, tên, chữ ký, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số định danh cá nhân hoặc số giấy tờ pháp lý đối với người đại diện theo pháp luật của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

7. Thông tin đăng ký thuế.

**Câu 44: Để được giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cần những điều kiện nào?**

**Trả lời:**

Theo quy định tại Điều 44 Luật Hợp tác xã 2023 quy định để có được giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cần: Ngành, nghề đăng ký kinh doanh không bị cấm đầu tư kinh doanh; Có hồ sơ đăng ký hợp lệ; Tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này; Nộp đủ lệ phí đăng ký theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quy định của Chính phủ. Khi cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải nộp lệ phí theo quy định của pháp luật.

**Câu 45: Xin hỏi thế nào là mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã**

**Trả lời:**

Theo Điều 46 Luật Hợp tác xã 2023, Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tạo bởi hệ thống thông tin điện tử của cơ quan đăng ký kinh doanh, cấp cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã khi thành lập; Mỗi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có một mã số duy nhất và không được sử dụng lại để cấp cho tổ chức khác; Mã số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được dùng để thực hiện nghĩa vụ về thuế, thủ tục hành chính và quyền, nghĩa vụ khác.

Câu 46: **Đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã cần làm những gì?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1 Điều 47 Luật Hợp tác xã quy định:

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã khi thay đổi một trong các thông tin quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 45 của Luật này hoặc khi thay đổi vốn điều lệ từ 5% vốn điều lệ hoặc từ 01 tỷ đồng trở lên hoặc khi tổ chức lại hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Việc thay đổi được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**Câu 47: Việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài thực hiện theo trình tự nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 2 Điều 47 quy định a) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực, người đề nghị đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi đến cơ quan đăng ký kinh doanh;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký thay đổi, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét và cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã theo nội dung bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật hoặc phán quyết của Trọng tài có hiệu lực; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Chính phủ quy định hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã.

**Câu 48: Tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh được quy định trong Luật như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 50 Luật Hợp tác xã, tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và địa điểm kinh doanh được quy định như sau:

1. Tên tiếng Việt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm hai thành tố theo thứ tự sau đây:

a) Tên của hợp tác xã được bắt đầu bằng cụm từ “Hợp tác xã”. Đối với Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã hoạt động theo mô hình hợp tác xã thì tên bắt đầu bằng cụm từ “Quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã”. Tên của liên hiệp hợp tác xã được bắt đầu bằng cụm từ “Liên hiệp hợp tác xã”;

b) Tên riêng được viết bằng các chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt, các chữ F, J, Z, W, chữ số và ký hiệu.

2. Tên bằng tiếng nước ngoài của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã là tên được dịch từ tên tiếng Việt sang một trong những tiếng nước ngoài hệ chữ La- tinh. Khi dịch sang tiếng nước ngoài, tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có thể giữ nguyên hoặc dịch theo nghĩa tương ứng sang tiếng nước ngoài.

3. Tên viết tắt của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được viết tắt từ tên tiếng Việt hoặc tên bằng tiếng nước ngoài.

4. Tên chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh phải bao gồm tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã kèm theo cụm từ “Chi nhánh” đối với chi nhánh, cụm từ “Văn phòng đại diện” đối với văn phòng đại diện, cụm từ “Địa điểm kinh doanh” đối với địa điểm kinh doanh.

5. Việc đặt tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không được vi phạm quy định sau đây:

a) Đặt tên trùng hoặc tên gây nhầm lẫn với tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đã đăng ký trên phạm vi toàn quốc;

b) Đặt tên xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với tên thương mại, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý của tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ;

c) Sử dụng tên cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp để làm toàn bộ hoặc một phần tên riêng của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, trừ trường hợp có sự chấp thuận của cơ quan, đơn vị hoặc tổ chức đó;

d) Sử dụng từ ngữ, ký hiệu vi phạm truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức và thuần phong mỹ tục của dân tộc.

6. Tên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện phải được đăng ký tại cơ quan đăng ký kinh doanh.

**Câu 49: Trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt ở đâu theo quy định của pháp luật?**

**Trả lời:**

Theo Điều 51 Luật Hợp tác xã quy định: Trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trên lãnh thổ Việt Nam là địa chỉ liên lạc của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xác định theo địa giới đơn vị hành chính.

**Câu 50: Pháp luật Việt Nam quy định thế nào về con dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Theo Điều 52 Luật Hợp tác xã quy định:

1.Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Việc quản lý và lưu giữ dấu được thực hiện theo quy định của Điều lệ hoặc quy chế do hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc đơn vị khác của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có dấu ban hành. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã sử dụng dấu trong hoạt động theo quy định của pháp luật.

**Câu 51:Cần làm những thủ tục gì để** đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; thông báo địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã?

Trả lời:

Theo Điều 55 Luật Hợp tác xã 2023 quy định:

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền thành lập một hoặc nhiều chi nhánh, văn phòng đại diện tại một địa phương theo địa giới đơn vị hành chính ở trong nước theo trình tự sau đây:

a) Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt chi nhánh, văn phòng đại diện;

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét tính hợp lệ của hồ sơ và cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ, cơ quan đăng ký kinh doanh phải thông báo bằng văn bản nội dung cần sửa đổi, bổ sung; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày có thay đổi, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ đăng ký thay đổi nội dung giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước đến cơ quan đăng ký kinh doanh.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có quyền thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải gửi hồ sơ thông báo tới cơ quan đăng ký kinh doanh nơi hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đặt trụ sở chính.

4. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày quyết định địa điểm kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gửi hồ sơ thông báo đến cơ quan đăng ký kinh doanh nơi đặt địa điểm kinh doanh.

5. Chính phủ quy định hồ sơ đăng ký hoạt động; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; thông báo địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 52: Tổ chức quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã gồm những thành phần nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 56 Luật Hợp tác xã 2023 quy định:

1. Tổ chức quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm hai loại:

a) Tổ chức quản trị đầy đủ bao gồm Đại hội thành viên, Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), Ban kiểm soát. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm Giám đốc (Tổng giám đốc);

b) Tổ chức quản trị rút gọn bao gồm Đại hội thành viên, Giám đốc, kiểm soát viên.

2. Hợp tác xã quy mô nhỏ, vừa, lớn, liên hiệp hợp tác xã từ 10 thành viên trở lên phải tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ.

3. Hợp tác xã quy mô siêu nhỏ, liên hiệp hợp tác xã dưới 10 thành viên có thể tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ hoặc tổ chức quản trị rút gọn.

4. Trường hợp hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã đang tổ chức theo tổ chức quản trị rút gọn phát triển thành hợp tác xã quy mô nhỏ, vừa, lớn, liên hiệp hợp tác xã từ 10 thành viên trở lên thì Đại hội thành viên gần nhất phải quyết định việc chuyển sang tổ chức quản trị đầy đủ.

**Câu 53: Thế nào là đại hội thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Theo khoản 1 Điều 57 Luật Hợp tác xã quy địnhĐại hội thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Đại hội thành viên họp thường niên mỗi năm một lần và có thể họp bất thường. Trường hợp tổ chức theo tổ chức quản trị rút gọn, Đại hội thành viên họp định kỳ theo quy định của Điều lệ nhưng ít nhất 03 tháng một lần và có thể họp bất thường.

**Câu 54: Đại hội thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tổ chức theo hình thức nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 2, khoản 3 Điều 57 Luật Hợp tác xã, Đại hội thành viên được tổ chức dưới hình thức đại hội toàn thể hoặc đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể bao gồm các thành viên chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên. Đại hội đại biểu bao gồm các đại biểu đại diện cho các thành viên chính thức tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức từ 50 thành viên trở lên có thể tổ chức đại hội đại biểu.

Cuộc họp Đại hội thành viên có thể mời thành viên liên kết góp vốn, thành viên liên kết không góp vốn tham dự. Cuộc họp Đại hội thành viên có thể được tổ chức bằng hình thức họp trực tiếp, họp trực tuyến hoặc kết hợp giữa họp trực tiếp và họp trực tuyến.

**Câu 55: Đại hội thành viên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã cần chuẩn bị những nội dung nào?**

**Trả lời**

Theo khoản 4 Điều 57 Luật Hợp tác xã, Cuộc họp Đại hội thành viên phải được ghi biên bản, có thể ghi âm, ghi hình để cung cấp cho các thành viên nếu có yêu cầu. Biên bản họp phải có chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký thì biên bản họp có hiệu lực nếu được trên 50% thành viên tham dự đồng ý ký; biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký. Người ký tên trong biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của biên bản họp.

**Câu 56: Xin hỏi tiêu chuẩn đại biểu và trình tự, thủ tục bầu đại biểu tham dự đại hội đại biểu?**

**Trả lời:**

Theo Điều 58 Luật Hợp tác xã 2023, tiêu chuẩn đại biểu tham dự đại hội đại biểu gồm:

1. Tiêu chuẩn đại biểu và trình tự, thủ tục bầu đại biểu tham dự đại hội đại biểu do Điều lệ quy định.

2. Số lượng đại biểu tham dự đại hội đại biểu do Điều lệ quy định nhưng phải bảo đảm yêu cầu sau đây:

a) Không được ít hơn 50% tổng số thành viên chính thức đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức từ trên 50 đến 100 thành viên;

b) Không được ít hơn 30% tổng số thành viên chính thức đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức từ trên 100 đến 300 thành viên;

c) Không được ít hơn 20% tổng số thành viên chính thức đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức từ trên 300 đến 1.000 thành viên;

d) Không được ít hơn 200 đại biểu đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có tổng số thành viên chính thức trên 1.000 thành viên.

3. Đại biểu tham dự đại hội đại biểu phải thể hiện được ý kiến, nguyện vọng và có trách nhiệm thông tin về kết quả đại hội cho tất cả thành viên mà mình đại diện.

**Câu 57: Thành viên, đại biểu được xác định là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên trong trường hợp nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 61 Luật Hợp tác xã, Thành viên, đại biểu được xác định là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội thành viên trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Tham dự và biểu quyết bằng hình thức trực tuyến;

c) Đã ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

**Câu 58: Các nội dung nào được Đại hội thành viên thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên, đại biểu tham dự và biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 61 Luật Hợp tác xã 2023?**

**Trả lời:**

Theo khoản 2 Điều 61 Luật Hợp tác xã: Các nội dung sau đây được Đại hội thành viên thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết tán thành của thành viên, đại biểu tham dự và biểu quyết theo quy định tại khoản 1 Điều này:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ;

b) Quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản chung được chia có giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất; quyết định việc đầu tư hoặc bán tài sản chung không chia;

c) Thay đổi tổ chức quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

d) Tổ chức lại, giải thể, phá sản hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 59: Điều kiện trở thành thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán?**

**Trả lời:**

Theo Điều 62 Luật Hợp tác xã 2023 quy định:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Là thành viên chính thức hoặc là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của tổ chức là thành viên chính thức; Không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Không được là người có quan hệ gia đình với thành viên khác của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

2. Giám đốc (Tổng giám đốc) của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Là thành viên chính thức hoặc là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của tổ chức là thành viên chính thức. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tổ chức theo tổ chức quản trị đầy đủ có thể thuê Giám đốc (Tổng giám đốc) theo quyết định của Đại hội thành viên. Không đồng thời là thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Không được là người có quan hệ gia đình với thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

3. Thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải đáp ứng các điều kiện sau đây: Là thành viên chính thức hoặc là người đại diện theo pháp luật hoặc theo ủy quyền của tổ chức là thành viên chính thức; Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Không được là người có quan hệ gia đình với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên khác của Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc), kế toán trưởng, thủ quỹ của cùng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

4. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên: Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc hoặc đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

5. Kế toán trưởng, người làm kế toán phải có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

**Câu 60: Trường hợp nào thì miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động đối với người giữ các chức danh trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Theo Điều 63 Luật Hợp tác xã, Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên, Giám đốc (Tổng giám đốc) bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đáp ứng điều kiện theo quy định tại Điều 62 của Luật này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;

d) Tổ chức mà Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên là người đại diện bị mất tư cách pháp nhân hoặc bị chấm dứt tồn tại, giải thể, phá sản;

đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ và hợp đồng lao động.

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng giám đốc), thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức hoặc chấm dứt hợp đồng lao động phải chịu trách nhiệm đối với quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

**Câu 61: Pháp luật Việt Nam quy định thế nào về tài sản góp vốn của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Theo Điều 73 Luật Hợp tác xã 2023 quy định như sau về tài sản vốn góp:

1. Tài sản góp vốn là Đồng Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ, bí quyết kỹ thuật, tài sản khác, quyền khác định giá được bằng Đồng Việt Nam.

2. Chỉ cá nhân, tổ chức là chủ sở hữu hợp pháp hoặc có quyền sử dụng quyền tài sản hợp pháp, quyền khác quy định tại khoản 1 Điều này có quyền góp vốn theo quy định của pháp luật.

3. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất, phương tiện vận tải, tài sản khác thì cá nhân, tổ chức có thể lựa chọn góp vốn bằng tài sản đó hoặc thỏa thuận cho phép hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hưởng quyền khác đối với tài sản đó theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật về dân sự.

4. Thành viên có thể dùng tài sản để tham gia hoạt động sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thông qua hợp đồng hợp tác, hợp đồng liên kết với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã. Trong trường hợp này, tài sản đó không phải là tài sản góp vốn và không phải chuyển quyền sở hữu cho hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 62: Việc tăng, giảm vốn điều lệ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quy định thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 78 Luật Hợp tác xã 2023, Vốn điều lệ tăng nếu tăng phần vốn góp của thành viên; Tiếp nhận phần vốn góp của thành viên mới.

Vốn điều lệ giảm nếu thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ phần vốn góp đã cam kết khi quá thời hạn quy định tại khoản 4 Điều 74 của Luật này; Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trả lại một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp cho thành viên.

**Câu 63: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được giảm vốn điều lệ khi nào?**

**Trả lời:**

Theo khoản 3 Điều 78 Luật Hợp tác xã 2023, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã chỉ được giảm vốn điều lệ khibảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả phần vốn góp cho thành viên.

**Câu 64: Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã có được huy động vốn, tiếp nhận các khoản tài trợ không?**

**Trả lời:**

Theo Điều 79 Luật Hợp tác xã 2023 quy định:

1. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã ưu tiên huy động vốn từ thành viên để đầu tư, mở rộng sản xuất, kinh doanh trên cơ sở thỏa thuận với thành viên.

2. Trường hợp huy động vốn từ thành viên chưa đáp ứng đủ nhu cầu thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã huy động vốn từ các nguồn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp nhận các khoản hỗ trợ của Nhà nước thực hiện nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Việc quản lý các khoản hỗ trợ của Nhà nước được thực hiện như sau:

a) Khoản hỗ trợ của Nhà nước có quy định đưa vào tài sản chung không chia thì được xác định là tài sản chung không chia của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

b) Khoản hỗ trợ của Nhà nước phải hoàn lại được tính vào số nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã;

c) Khoản hỗ trợ của Nhà nước không thuộc điểm a và điểm b khoản này thì được quản lý theo quy định của Điều lệ.

4. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tặng cho, tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật. Việc tiếp nhận, quản lý và sử dụng các khoản tặng cho, tài trợ có yếu tố nước ngoài phải phù hợp với quy định của pháp luật, thỏa thuận quốc tế và điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

**Câu 65: Thế nào là Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã?**

**Trả lời:**

Theo Điều 80 Luật Hợp tác xã, Vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm phần vốn góp của thành viên chính thức và thành viên liên kết góp vốn, phí thành viên, vốn huy động, vốn tích luỹ, quỹ chung không chia, quỹ khác và nguồn thu hợp pháp khác. Việc quản lý, sử dụng vốn hoạt động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phù hợp với quy định của Luật này và pháp luật có liên quan.

**Câu 66: Tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hình thành từ nguồn nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 88 Luật Hợp tác xã 2023 quy định Tài sản của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được hình thành từ nguồn Phần vốn góp của thành viên chính thức, thành viên liên kết góp vốn, phí thành viên; Vốn huy động của thành viên và vốn huy động khác; Vốn, tài sản được hình thành trong quá trình hoạt động; Khoản hỗ trợ của Nhà nước và khoản tặng cho, tài trợ hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác.

**Câu 67: Theo pháp luật Việt Nam, việc xử lý các khoản lỗ, khoản nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã diễn ra như thế nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 89 Luật Hợp tác xã 2023, Kết thúc năm tài chính, nếu phát sinh lỗ thì hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thực hiện chuyển lỗ theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Các khoản nợ của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

**Câu 68: Trong trường hợp tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thì cần những thủ tục nào?**

**Trả lời:**

Theo Điều 93 Luật Hợp tác xã quy định: Đại hội thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thông qua nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã theo quy định của Luật này và Điều lệ.

Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách; tên hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách; phương án sử dụng lao động; nguyên tắc, cách thức và thủ tục chuyển một phần tài sản, quyền, nghĩa vụ từ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách sang hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách, bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; thời hạn thực hiện tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua nghị quyết; Việc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được tách bao gồm tài liệu quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và g khoản 2 Điều 42 của Luật này và nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị tách thực hiện theo quy định tại các điều 41, 47 và 48 của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ phải kèm theo nghị quyết tách hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.

**Câu 69: Vậy thủ tục hợp nhất hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được quy định như thế nào trong luật?**

**Trả lời:**

Theo khoản 2 Điều 94 Luật Hợp tác xã quy định:

Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất chuẩn bị dự thảo hợp đồng hợp nhất, dự thảo Điều lệ hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất.Hợp đồng hợp nhất phải bao gồm nội dung chủ yếu sau đây: tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất; phương án sử dụng lao động; phương án xử lý các khoản nợ; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản bao gồm cả quỹ chung không chia, tài sản chung không chia; thời hạn, thủ tục chuyển đổi vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất thành vốn góp của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất; Đại hội thành viên của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất thông qua hợp đồng hợp nhất, Điều lệ, quyết định tổ chức quản trị, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát hoặc kiểm soát viên; Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến tất cả chủ nợ, thông báo cho người lao động, Ủy ban nhân dân nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; Việc đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất thực hiện theo quy định tại Điều 41 và Điều 42 của Luật này. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hợp nhất bao gồm tài liệu quy định tại các điểm a, b, d, đ, e và g khoản 2 Điều 42 của Luật này và hợp đồng hợp nhất, nghị quyết thông qua hợp đồng hợp nhất của các hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã bị hợp nhất.

**Câu 70: Cơ quan nào đủ thẩm quyền để yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã tạm dừng hoặc chấm dứt kinh doanh?**

**Trả lời:**

Theo khoản 2 Điều 96 Luật Hợp tác xã quy định:

Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan nhà nước có thẩm quyền yêu cầu hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã:

a, Tạm ngừng hoặc chấm dứt kinh doanh ngành, nghề kinh doanh có điều kiện; ngành, nghề tiếp cận thị trường có điều kiện đối với nhà đầu tư nước ngoài khi phát hiện hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không có đủ điều kiện tương ứng theo quy định của pháp luật;

b, Tạm ngừng kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về quản lý thuế, môi trường và quy định của pháp luật có liên quan;

c, Đình chỉ hoạt động, chấm dứt kinh doanh một hoặc một số ngành, nghề kinh doanh hoặc trong một số lĩnh vực theo quyết định của Tòa án.